

THÔNG BÁO

Về việc xét nâng bậc lương thường xuyên, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (từ 01/07/2024 đến 31/12/2024), nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu và nâng bậc lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2024

Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/ NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/06/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 01/VBHN-BNV ngày 02/05/2022 văn bản hợp nhất của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 01/07/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ,

Hiệu trưởng thông báo đến các đơn vị, viên chức và người lao động về tiêu chuẩn xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung (từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024), nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu và nâng bậc lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2024 như sau:

1. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 2 năm 2024

1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung

- Thời gian

- + Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;
- + Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;
- + Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.

- Điều kiện

Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp).

1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

Thực hiện theo Điểm c Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 và Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;
- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- Thời gian VC, NLD đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;
- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;
- Thời gian thử thách đối với VC, NLD bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương

Thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý;
- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLD bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLD xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;
- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách.
- Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.
- Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với VC, NLD đã có thông báo nghỉ hưu

VC, NLD đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2013/TT-BNV; Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

3. Nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức có thành tích xuất sắc

3.1. Đối tượng

- VC, NLD có thời gian công tác tại Trường từ **07 năm trở lên đối với nữ và 10 năm trở lên đối với nam** (đối với VC, NLD là người dân tộc thiểu số được giảm 02 năm thâm niên công tác so với quy định này).
- Không xét đối với người lao động hợp đồng công việc (khoản lương); VC, NLD đã được nâng bậc lương trước thời hạn ở bậc lương hiện hưởng.

3.2. Điều kiện

- Thời gian: Viên chức đủ thời gian giữ bậc lương là 24 tháng (đối với ngạch nâng bậc lương thường xuyên 36 tháng), Viên chức đủ thời gian giữ bậc lương là 12 tháng (đối với ngạch nâng bậc lương thường xuyên 24 tháng), thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng.
- Xếp loại viên chức: **Hoàn thành tốt nhiệm vụ** trở lên (trong thời gian giữ bậc lương để xét nâng lương trước thời hạn).

3.3. Thành tích

Đạt 1 trong các thành tích sau:

- Đối với viên chức hạng I, II, III hoặc viên chức loại A:

- + 01 lần được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;
- + 02 lần được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;
- + 02 Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh (hoặc tương đương);
- + 01 Bằng khen cấp Bộ, tỉnh (hoặc tương đương) và 02 Giấy khen cấp trường (hoặc các tổ chức tương đương);
- + 01 Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 03 Giấy khen cấp trường (hoặc các tổ chức tương đương);
- + 04 Giấy khen cấp trường hoặc các tổ chức tương đương.

- Đối với viên chức hạng IV hoặc viên chức loại B,C:

- + 01 lần được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;
- + 01 Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương;
- + 01 lần được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;
- + 03 Giấy khen cấp trường hoặc các tổ chức tương đương.

*** Ghi chú:**

- Mỗi năm chỉ được lấy **01 thành tích cao nhất** để xét; Phải có thành tích tại năm xét nâng lương trước thời hạn. (*Lưu ý: Thành tích đã dùng để nâng bậc lương trước thời hạn thì không được tính để xét nâng bậc lương cho lần sau*).

- Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định **trong 06 năm (2019-2024)** đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ Đại học trở lên và **04 năm (2021-2024)** đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ Cao đẳng trở xuống.

- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh (hoặc tương đương) chỉ được tính trọn **khi thành tích tích lũy chưa được dùng để nâng lương trước thời hạn**.

- Thời gian xác định khen thưởng:
- + Thời điểm ký quyết định khen thưởng;
- + Hoặc năm thành tích đạt được (đối với Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm).

3.4. Thủ tục (hồ sơ) xét nâng bậc lương trước thời hạn

- Cá nhân tự viết đơn đề nghị được nâng bậc lương trước thời hạn (theo mẫu).
- Lãnh đạo và công đoàn các đơn vị có cá nhân đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn tổ chức họp xét và trích **biên bản** (theo mẫu) kèm theo **đơn** và **mệnh chứng** (chiến sỹ thi đua, bằng khen, giấy khen... photo) của cá nhân, nộp về phòng TCCB.
- Không vượt quá 10% tổng số VC, NLĐ trong biên chế của Đơn vị. Đơn vị có dưới 10 VC, NLĐ được làm tròn là 01 người.

- Lãnh đạo và công đoàn các đơn vị có cá nhân đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn tổ chức họp xét và trích **biên bản** (theo mẫu) kèm theo **đơn** và **minh chứng** (chiến sỹ thi đua, bằng khen, giấy khen... photo) của cá nhân, nộp về phòng TCCB.

- Không vượt quá 10% tổng số VC, NLĐ trong biên chế của Đơn vị. Đơn vị có dưới 10 VC, NLĐ được làm tròn là 01 người.

3.5. Về số lượng

Căn cứ vào số lượng đề xuất, Hội đồng lương của Trường sẽ xét:

- Không vượt quá 10% tổng số VC, NLĐ trong biên chế của Trường.
- Nếu số lượng vượt quá quy định 10%, Hội đồng sẽ xét theo các tiêu chuẩn từ cao xuống thấp và đóng góp của VC, NLĐ đối với Nhà trường.

Danh sách Dự kiến viên chức đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn đề nghị hưu được đăng tải trên website của Trường.

Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức Cán bộ (gặp đ/c Ngọc), cụ thể:

(1) Đối với nâng bậc lương thường xuyên: trước 17h00 ngày 16/12/2024.

(2) Đối với Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn: trước 17h00 ngày 08/01/2025.

Nhận được thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể VC, NLĐ và triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- VP Công đoàn;
- P. TT&TVTS (đăng website Trường);
- P. HCTH (đăng Hệ thống QLVB&ĐH);
- Lưu: VT, P.TCCB, HĐ lương.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC DỰ KIẾN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN,
HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG (01/7/2024 - 31/12/2024), NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC HẠN ĐỂ NGHỈ HƯU**

(Kèm theo Thông báo số: 439 /TB-ĐHTN ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 30/6/2024						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
1	Nguyễn Văn Nam	11/02/1968		Ban Giám hiệu	Tiến sỹ	V.07.01.01	3	6.92	0	14/11/2021	V.07.01.01	4	7.28	0	01/11/2024	0.36	
2	Lương Thị Hòa		30/11/1980	Bệnh viện Trường	Đại học	V.08.05.12	4	3.33	0	01/09/2021	V.08.05.12	5	3.66	0	01/09/2023	0.33	
3	Nguyễn Hữu Phước	10/09/1986		Bệnh viện Trường	Đại học	V.08.01.03	5	3.66	0	01/11/2021	V.08.01.03	6	3.99	0	01/11/2024	0.33	
4	Nguyễn Thị Ngọc		22/09/1983	Bệnh viện Trường	Đại học	06.031	6	3.99	0	01/09/2021	06.031	7	4.32	0	01/09/2024	0.33	
5	Lê Thị Phượng		10/08/1988	Bệnh viện Trường	THCN	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	V.08.05.13	7	3.06	0	01/07/2024	0.20	
6	Nguyễn Thị Thùy Trang		15/08/1989	Bệnh viện Trường	THCN	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	V.08.05.13	7	3.06	0	01/07/2024	0.20	
7	Phạm Thị Lan		29/11/1980	Bệnh viện Trường	Đại học	V.08.06.16	8	3.26	0	01/10/2022	V.08.06.16	9	3.46	0	01/10/2024	0.20	
8	Trần Thị Lệ Quyên		19/02/1985	Bệnh viện Trường	Đại học	V.08.07.19	8	3.26	0	01/10/2022	V.08.07.19	9	3.46	0	01/10/2024	0.20	
9	Trần Thị Thùy Dung		07/06/1989	Bệnh viện Trường	THCN	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	V.08.05.13	7	3.06	0	03/07/2024	0.20	
10	Vũ Kim Tuyền		12/02/1986	Bệnh viện Trường	Cao đẳng	V.08.08.23	8	3.26	0	01/09/2022	V.08.08.23	9	3.46	0	01/09/2024	0.20	
11	Nông Ngọc Sơn	02/02/1988		Bệnh viện Trường	THCN	V.08.05.13	7	3.06	0	01/09/2022	V.08.05.13	8	3.26	0	01/09/2024	0.20	

Handwritten signature or mark.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	Phạm Văn Quảng	19/05/1976		Bệnh viện Trường	Cao đẳng	16.128	8	2.91	0	01/11/2022	16.128	9	3.09	0	01/11/2024	0.18	
13	Hoàng Phạm Hùng Quang	28/02/1985		K. KHTN&CN	Đại học	01.003	4	3.33	0	01/12/2021	01.003	5	3.66	0	01/12/2024	0.33	
14	Phan Thị Đài Trang		01/01/1986	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	07/08/2021	V.07.01.03	5	3.66	0	01/08/2024	0.33	
15	Đoàn Thị Cơ Thường		01/09/1980	K. KHTN&CN	Kỹ sư	V.05.02.08	11	3.86	0	01/09/2022	V.05.02.08	12	4.06	0	01/09/2024	0.20	
16	Nguyễn Quang Dương	31/10/1984		K. LLCT	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/08/2021	V.07.01.03	6	3.99	0	01/08/2024	0.33	
17	Nguyễn Thị Kim Phượng		05/01/1977	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.02	5	5.76	0	01/07/2021	V.07.01.02	6	6.1	0	01/07/2024	0.34	
18	Đoàn Nam Văn	22/10/1980		K. Ngoại ngữ	Đại học	01.003	5	3.66	0	01/08/2021	01.003	6	3.99	0	01/08/2024	0.33	
19	Lê Quang Hùng	24/03/1974		K. Sư phạm	Tiến sỹ	V.07.01.02	3	5.08	0	01/10/2021	V.07.01.02	4	5.42	0	01/10/2024	0.34	
20	Nguyễn Nhứt Hùng	02/06/1964		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.02	6	6.1	0	01/12/2021	V.07.01.02	7	6.44	0	01/12/2024	0.34	
21	Đặng Thị Nhài		25/02/1989	K. Y Dược	Đại học	V.08.07.18	3	3	0	01/11/2021	V.08.07.18	4	3.33	0	01/11/2024	0.33	
22	Ninh Thị Kim Loan		02/11/1987	K. Y Dược	Thạc sỹ	01.003	4	3.33	0	10/10/2021	01.003	5	3.66	0	01/10/2024	0.33	
23	Phạm Thị Diệu Linh		20/04/1982	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2021	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2024	0.33	
24	Nguyễn Thị Lệ Quyên		03/07/1993	K. Y Dược	Đại học	V.08.07.19	4	2.46	0	01/07/2022	V.08.07.19	5	2.66	0	01/07/2024	0.20	
25	Trịnh Duy Linh	06/04/1986		K. Y Dược	Cao đẳng	V.08.07.19	3	2.26	0	01/12/2022	V.08.07.19	4	2.46	0	01/12/2024	0.20	
26	Hoàng Thị Ánh Tuyết		02/08/1987	K. Y Dược	Đại học	V.08.07.19	7	3.06	0	01/08/2022	V.08.07.19	8	3.26	0	01/08/2024	0.20	
27	Nguyễn Quốc Cường	11/05/1991		K. Y Dược	THCN	V.08.07.19	5	2.66	0	05/11/2022	V.08.07.19	6	2.86	0	01/11/2024	0.20	
28	Phạm Trọng Lượng	04/07/1976		P. Công tác SV	Tiến sỹ	V.07.01.02	3	5.08	0	01/10/2021	V.07.01.02	4	5.42	0	01/10/2024	0.34	
29	Vũ Minh Chiến	13/03/1978		P. Công tác SV	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4.74	0	01/10/2021	V.07.01.02	3	5.08	0	01/10/2024	0.34	
30	Trần Quang Huy	25/12/1982		P. Công tác SV	Thạc sỹ	01.003	5	3.66	0	01/11/2021	01.003	6	3.99	0	01/11/2024	0.33	
31	Trần Thị Lê Vân		01/09/1986	P. Công tác SV	Cử nhân	V.10.02.06	4	3.33	0	01/12/2021	V.10.02.06	5	3.66	0	01/12/2024	0.33	
32	Trương Thu Trang		23/05/1988	P. Đào tạo	Đại học	01.003	4	3.33	0	01/09/2021	01.003	5	3.66	0	01/09/2024	0.33	
33	Vũ Bằng Hanh	18/05/1982		P. Đào tạo	Thạc sỹ	01.003	6	3.99	0	01/11/2021	01.003	7	4.32	0	01/11/2024	0.33	
34	Đỗ Thị Hà		18/11/1984	P. HCTH	Đại học	V.01.02.02	4	3.33	0	01/12/2021	V.01.02.02	5	3.66	0	01/12/2024	0.33	
35	Lý Thị Tuyết Nhung		02/12/1983	P. HCTH	Đại học	06.031	5	3.66	0	01/07/2021	06.031	6	3.99	0	01/07/2024	0.33	
36	Nguyễn Thị Thanh Vân		10/11/1979	P. HCTH	Thạc sỹ	V.07.01.03	8	4.65	0	01/07/2021	V.07.01.03	9	4.98	0	01/07/2024	0.33	
37	Mai Thị Quế Trâm		06/12/1984	P. TCCB	Đại học	V.07.05.15	4	3.33	0	01/10/2021	V.07.05.15	5	3.66	0	01/10/2024	0.33	
38	Vũ Thị Phương		31/03/1984	THPT THCN	Thạc sỹ	V.07.05.14	2	4.34	0	01/05/2021	V.07.05.14	3	4.68	0	01/05/2024	0.34	
39	Lê Thị Diệu Bình		24/05/1988	THPT THCN	Thạc sỹ	V.07.05.15	4	3.33	0	01/09/2021	V.07.05.15	5	3.66	0	01/09/2024	0.33	
40	Nguyễn Minh Lịch	10/06/1981		THPT THCN	Cử nhân	V.07.05.15	8	4.65	0	01/09/2021	V.07.05.15	9	4.98	0	01/09/2024	0.33	
41	Nguyễn Thị Thu Hồng		24/09/1976	THPT THCN	Thạc sỹ	V.07.05.15	7	4.32	0	01/09/2021	V.07.05.15	8	4.65	0	01/09/2024	0.33	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
42	Võ Thị Đức Anh		12/06/1987	THPT THCN	Cử nhân	V.07.05.15	4	3.33	0	08/08/2021	V.07.05.15	5	3.66	0	01/08/2024	0.33	
43	Trương Văn Thảo	27/10/1980		TT. ĐMST tỉnh ĐL	Thạc sỹ	V.07.01.03	6	3.99	0	01/10/2021	V.07.01.03	7	4.32	0	01/10/2024	0.33	
44	Mai Văn Lan	23/08/1966		TT. Hỗ trợ SV	CQĐT	01.003	5	3.66	0	01/12/2021	01.003	6	3.99	0	01/12/2024	0.33	
45	Phan Thị Thắm		12/02/1984	TT. Hỗ trợ SV	Đại học	01.003	4	3.33	0	01/12/2021	01.003	5	3.66	0	01/12/2024	0.33	
46	H' Wen Aliô		30/05/1982	TT. KHXH&NV TN	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4.32	0	01/10/2021	V.07.01.03	8	4.65	0	01/10/2024	0.33	

II. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

47	Nguyễn Văn Dũng	04/07/1965		Bệnh viện Trường	CKII	V.08.01.03	9	4.98	9	01/10/2023	V.08.01.03	9	4.98	10	01/10/2024	1%	
48	Nguyễn Đức Hoanh	01/10/1969		Bệnh viện Trường	Cử nhân	06.031	9	4.98	9	01/11/2023	06.031	9	4.98	10	01/11/2024	1%	
49	Bùi Thị Tịnh		14/06/1976	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4.98	0	01/12/2021	V.07.01.03	9	4.98	5	01/12/2024	5%	
50	Mai Thị Kim Tuyến		02/12/1969	K. NLN	Đại học	V.05.02.07	9	4.98	6	01/07/2023	V.05.02.07	9	4.98	7	01/07/2024	1%	
51	Lê Đình Nam	15/10/1965		K. NLN	Thạc sỹ	V.07.01.02	8	6.78	0	01/12/2021	V.07.01.02	8	6.78	5	01/12/2024	5%	
52	Nguyễn Thị Thu Hương		06/03/1969	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4.98	5	01/07/2023	V.07.01.03	9	4.98	6	01/07/2024	1%	
53	Nguyễn Thị Bích Trang		02/12/1969	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4.98	0	01/08/2021	V.07.01.03	9	4.98	5	01/08/2024	5%	
54	Võ Văn Hào	20/10/1970		P. Cơ sở VC	THCN	01.007	12	3.63	16	01/10/2023	01.007	12	3.63	17	01/10/2024	1%	
55	Đinh Ta Rì Na		24/08/1971	P. Công tác SV	Đại học	01.003	9	4.98	6	01/07/2023	01.003	9	4.98	7	01/07/2024	1%	
56	Đào Xuân Thu	06/12/1963		P. KH&QHQT	Tiến sỹ	V.07.01.02	8	6.78	0	01/12/2021	V.07.01.02	8	6.78	5	01/12/2024	5%	Hưu 01/25
57	Bùi Thị Sáu		24/12/1972	P. KHTC	Thạc sỹ	06.031	9	4.98	0	01/07/2021	06.031	9	4.98	5	01/07/2024	5%	
58	Phan Văn Khương	05/01/1964		TT. Hỗ trợ SV	Cử nhân	01.003	9	4.98	0	01/04/2022	01.003	9	4.98	5	01/04/2025	5%	Hưu 5/25

III. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỂ NGHỈ HƯU

59	Hoàng Thị Xuân		26/02/1969	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/04/2022	V.07.01.02	7	6.44	0	01/11/2024	0.34	Hưu 11/25 đc 5 thg
60	Nguyễn Nhứt Hùng	02/06/1964		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/12/2021	V.07.01.02	7	6.44	0	01/10/2024	0.34	Hưu 10/25 đc 02 thg
61	Trần Trung Dũng	18/05/2020		Viện CNSH&MT	Tiến sỹ	V.07.01.01	3	6.92	0	18/05/2022	V.07.01.01	4	7.28	0	01/06/2024	0.36	Hưu 6/25 đc 12 thg

Danh sách gồm 61 người./.